

DÂN SỐ VÀ NHỮNG NGUYÊN NHÂN ĐÓI NGHÈO Ở MỘT XÃ MIỀN NÚI TỈNH THỪA THIÊN -HUẾ (QUA KHẢO SÁT TẠI XÃ ANGO, HUYỆN ALƯỚI)

VŨ ĐÌNH LỢI

Thừa Thiên- Huế có 8 huyện và 1 thành phố trực thuộc tỉnh, nhưng chỉ có 2 huyện hoàn toàn miền núi là vùng cao của tỉnh: huyện Nam Đông và huyện ALưởi. Đây là nơi tập trung chủ yếu của 3 dân tộc: Ca Tu, Tà Ôi và một số người Bru- Vân Kiều (sống rải rác ở cả các huyện Hương Trà, Hương Thủy và Phong Điền).

Dưới thời Mỹ- Ngụy, phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số của tỉnh phải sống trong các khu tập trung, áp chiến lược; số còn lại không chịu sự kìm kẹp của địch đã vào rừng sâu hoặc đi qua sườn phía Tây của dãy Trường Sơn sinh sống. Chính đồng bào các dân tộc sống ở những vùng này đã trở thành căn cứ cách mạng trong cuộc chiến tranh giải phóng của Tổ quốc. Cuối 1972, tỉnh Quảng Trị và vùng núi Thừa Thiên- Huế được giải phóng, các dân tộc Ca Tu, Tà Ôi và Bru- Vân Kiều đã từ trong rừng sâu, từ bên kia dãy Trường Sơn trở về sống định cư tại những vùng thấp theo tiếng gọi của Đảng và Chính phủ, trong đó có người Tà Ôi ở ANgo. Trải qua nhiều lần chuyển canh, chuyển cư từ đất Lào trở về, đến cuối 1973, người Tà Ôi ANgo đã định cư hẳn tại địa điểm hiện nay. Sau 1975, xã ANgo chính thức được thành lập và 1976 là một đơn vị hành chính cấp cơ sở của huyện ALưởi, và địa danh ANgo vốn có từ đất Lào vẫn được dùng làm tên gọi của xã.

Địa bàn cư trú của xã ANgo hiện nay nằm gọn trong thung lũng ALưởi, cách trung tâm thị trấn chừng 2 km. Phía Bắc của xã giáp xã Hồng Hà, Nam giáp xã Hồng Nam, Đông giáp xã Sơn Thủy và Tây giáp xã Hồng Quảng. Trên bản đồ, ANgo được xác định ở kinh độ $107^{\circ}07'$ - $107^{\circ}10'$ và vĩ độ $10^{\circ}05'$ - $10^{\circ}10'$.

ANgo có tổng diện tích là 882 ha, trong đó chia ra các loại đất: ruộng nước 50 ha, đất trồng màu 101 ha, đất rừng 410 ha, đất ở 58 ha, còn lại là đất trống đồi trọc chưa sử dụng trên 200 ha.

Toàn xã có 10 thôn cư trú liên kề nhau trải dài trong khoảng 2 km theo hai bên quốc lộ 14 nối liền Quảng Trị ở phía Bắc và Quảng Nam Đà Nẵng ở phía Nam. Có 3 dân tộc sinh sống tại xã. Người Tà Ôi (chiếm đa số) có 350 hộ, 2020 khẩu, cư trú tập trung ở 9/10 thôn của xã. Thứ hai là người Kinh mới đến đây sau giải phóng theo chủ trương di dân đi phát triển kinh tế mới của tỉnh, có 31 hộ 182 khẩu, sống chủ yếu ở thôn Vân Trình (18 hộ) và xen kẽ với người Tà Ôi thôn Quảng Mai (13 hộ). Ca Tu là dân tộc có dân số ít nhất trong xã có 7 hộ, 46 khẩu mới di cư từ huyện Nam Đông ra sống với người Tà Ôi ở thôn I và thôn II.

Các dân tộc trong xã có truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, có quan hệ giao lưu không chỉ trong kinh tế, văn hoá, xã hội mà thậm chí cả trong hôn nhân hỗn hợp giữa các dân tộc.

Tổng số dân trong xã tính đến tháng 12-1995 có 388 hộ, 2248 khẩu (trong đó nữ 1124, chiếm 50% dân số xã). Lực lượng lao động chính toàn xã có 682 người (332 nam và 350 nữ), chỉ chiếm 30,33% dân số; trong khi đó số người ăn theo chiếm 69,67% (1566 người). Điều đó cho thấy tỷ lệ lao động làm ra của cải vật chất nuôi sống gia đình và xã hội là quá ít so với tỷ lệ người già và trẻ em.⁽¹⁾

Truyền thống sinh nhiều con còn rất phổ biến ở xã. Trong tổng số 520 phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ thì chỉ có 325 phụ nữ đã lấy chồng, còn lại 195 người chưa chồng. Số trẻ em từ 0-15 tuổi có 1000 em, chiếm 44,48% tổng số dân của xã, chia ra các độ tuổi sau:

Dưới 1 tuổi có 151, từ 1-5 tuổi có 221, từ 6-15 tuổi 628, nhưng chỉ có 590 em đến trường: số còn lại không đi học hoặc bỏ học. Số liệu trên chứng tỏ tỷ lệ sinh của xã là rất cao. Bình quân số con cho mỗi cặp vợ chồng từ 5-6 con, thậm chí một số cặp có 9 con. Sự biến đổi dân số trong năm 1995 chủ yếu do tăng tự nhiên là chính. Có 10 trường hợp chết (2 trẻ em chết yếu, 8 già và ốm chết), 77 trường hợp trẻ em mới sinh. Tỷ lệ tăng dân số toàn huyện ALuoi theo báo cáo của Ban DS-KHHGD huyện là 3,9%, cao hơn các vùng khác trong tỉnh và bình quân chung của toàn quốc⁽²⁾. Đây cũng là một trong nhiều nguyên nhân của nạn đói nghèo quanh năm ở ANgo nói riêng, huyện ALuoi nói chung. Mặc dù chương trình KHHGD được thực hiện từ 1993 và được coi là một trong những nhiệm vụ ưu tiên của Chính quyền địa phương nhưng hiệu quả việc thực hiện chương trình rất thấp. Trong số 325 cặp vợ chồng ở tuổi sinh đẻ chỉ có 30 trường hợp sử dụng biện pháp tránh thai? (18 đặt vòng và 12 uống thuốc ngừa thai). Ngoài ra, có 20 nam giới tự nguyện đình sản. Phương pháp tránh thai chưa thực sự phổ biến trong xã ANgo, ngay cả những người áp dụng các phương pháp này thường là những cặp vợ chồng sau khi đã sinh 4-5 con.

Người Tà ôi ở ANgo trước đây vốn là cư dân sống chính bằng nương rẫy du canh du cư. Từ sau giải phóng 1975, Đảng và Chính quyền địa phương đã đầu tư khai hoang ruộng nước, huấn luyện cho đồng bào quen dần với việc canh tác trên ruộng nước và dần dần bỏ hẳn lối canh tác cổ truyền bằng phương pháp đốt rừng làm rẫy. Đó chính là một cuộc cách mạng lớn tác động không chỉ đến đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá mà cả môi trường sinh thái. Nhưng sức ỳ của tập tục cũng như lối sống nương rẫy còn ăn sâu trong tiềm thức người dân ngay cả trong khi đã chuyển sang làm ruộng. Trên tổng số 50 ha ruộng nước, bình quân sản lượng 2,9 tấn/ha và bình quân đầu người 144 kg thóc/năm. Ngoài trồng trọt lúa, khoai, sắn, đồng bào còn có các nguồn thu nhập phụ từ chăn nuôi (gia súc, gia cầm, cá), cây ăn quả (chuối, mít, dứa), trồng trầu, thông và gần đây có quế, các sản phẩm thu lượm từ rừng (khai thác lâm thổ sản, thậm chí, có người làm nghề đãi vàng).

Mặc dù Trung ương cũng như địa phương đã có nhiều dự án đầu tư phát triển tại xã ANgo trên các lĩnh vực nông nghiệp, thuỷ lợi, chăn nuôi và nghề rừng... nhưng hiệu quả còn quá thấp, đời sống người dân vẫn không tránh khỏi tình trạng đói nghèo thường xuyên hàng năm. Qua số liệu báo cáo của UBND xã, qua phỏng vấn các cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể và các hộ ở một số thôn trong xã cho thấy: toàn xã chỉ có 12% số hộ đủ ăn cả năm, 18% số hộ thiếu ăn 1 tháng, 70% hộ nghèo và rất nghèo thiếu ăn từ 3-7 tháng⁽³⁾.

Sự phân chia giữa giàu và nghèo có sự khác nhau giữa các làng. Hộ đủ ăn quanh năm thường là những hộ đến đây định canh, định cư sớm, có nhiều ruộng nước, có điều

kiện phát triển kinh tế hộ. Hầu hết các hộ nghèo là những hộ neo đơn, già cả, những hộ mới tách ra ở riêng.

Bằng phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân trong cộng đồng do chương trình phát triển đồng bào miền núi của UNDP tổ chức tại ANgo vào tháng 12-1995 kết hợp với tài liệu thu thập qua phỏng vấn tại các hộ trong xã, bài báo này rút ra những khó khăn, thuận lợi, nguyên nhân đói nghèo của xã hiện nay và nêu ra những giải pháp giải quyết khó khăn trong tương lai⁽⁴⁾.

+ Về những khó khăn:

- Là một xã miền núi, rừng cạn kiệt do chiến tranh và chất độc hoá học, đất chua phèn, bạc màu ở vùng thung lũng và bị rửa trôi trên vùng đồi núi nên sản lượng cây trồng thấp.
- Thời tiết và khí hậu trong vùng thay đổi thường gây ra hạn hán trong mùa khô, lũ lụt vào mùa mưa ảnh hưởng trực tiếp đến mùa màng và đời sống người dân.
- Chủ trương giao đất giao rừng đến tận hộ chưa triển khai tại xã.
- Hệ thống đập giữ nước và kênh mương không đủ khả năng cung cấp nước cho các cánh đồng, đặc biệt là mùa khô.
- Phương thức trồng trọt, kể cả ruộng nước, còn theo lối cũ (không dùng phân chuồng, vẫn sử dụng giống lúa cũ). Việc áp dụng phương pháp trồng trọt mới (giống mới, phân bón...) chưa phổ biến trong xã nên năng suất thấp.
- Diện tích ruộng nước còn quá ít trên bình quân đầu người (220 m²).
- Thủ tục vay vốn phát triển sản xuất phức tạp, thời gian cho vay quá ngắn, nhiều người vay không thể trả nợ đúng hạn cho ngân hàng.

+ Những thuận lợi:

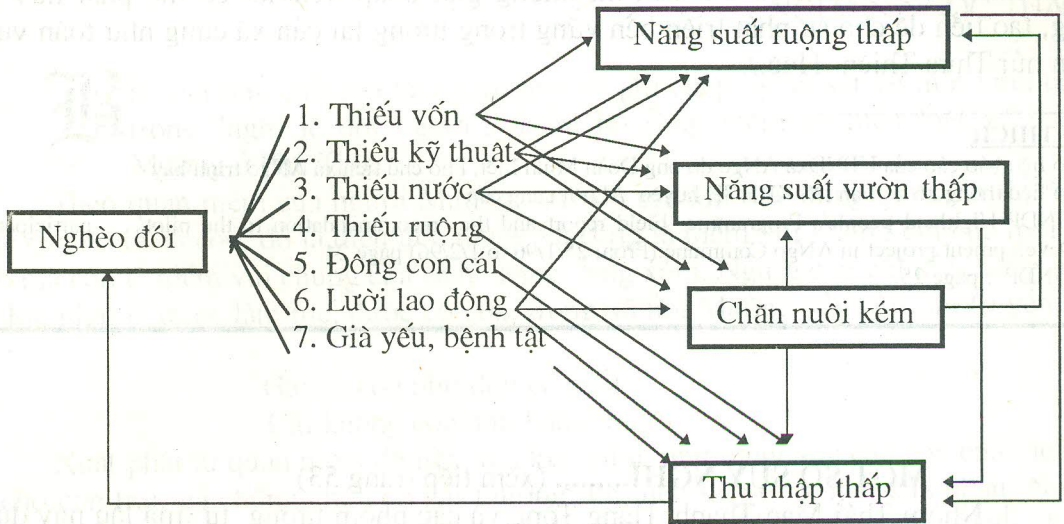
- Xã nằm dọc theo quốc lộ 14, gần chợ và trung tâm huyện nên thuận tiện cho việc trao đổi, mua bán.
- Còn nhiều diện tích hoang hoá chưa được sử dụng cho trồng trọt, đặc biệt có một diện tích lớn để phát triển ruộng nước nếu có sự đầu tư khai hoang, làm thủy lợi của Nhà nước.
- Có nguồn nước để xây dựng các đập và hồ chứa nước cung cấp cho các vùng có thể khai hoang làm ruộng nước.
- Nhân dân ANgo cần cù, chịu khó, có mạng lưới dịch vụ nông nghiệp của huyện hoạt động khá tốt.

+ Nguyên nhân đói nghèo của dân trong xã gồm có:

- Thiếu vốn cho đầu tư phát triển ruộng, vườn và chăn nuôi.
- Chưa chú ý đến tuyên truyền trong dân và đào tạo các cán bộ kỹ thuật có kiến thức trồng trọt, chăn nuôi mới trong quá trình chuyển đổi phương pháp canh tác, lối sống nương rẫy sang làm ruộng nước.
- Trình độ học vấn và kiến thức về chăn nuôi và trồng trọt của người dân trong xã còn thấp kém, cách làm vẫn theo lối cổ truyền, chưa biết làm kinh tế vườn theo lối sản xuất hàng hoá.
- Hệ thống tưới nước cho các khu ruộng không đồng bộ, không đáp ứng được trong mùa khô.
- Thiếu diện tích ruộng lúa nước cho các gia đình.
- Sinh đẻ dầy và đông con trong mỗi gia đình.
- Một số gia đình nghèo đói vì do lười lao động.

Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến đói nghèo kinh niên kể trên thì nguyên nhân chủ quan trực tiếp là vấn đề sinh đẻ dầy và đông con trong mỗi gia đình tại ANgo. Nếu không giải quyết được nguyên nhân chủ yếu đó thì dù có tăng thêm diện tích ruộng nước, áp dụng phương pháp canh tác mới nhằm tăng năng suất lúa nói riêng, cây trồng và vật nuôi nói chung cao hơn nhiều lần so với hiện tại cũng không thể xoá bỏ tận gốc vấn đề đói nghèo và tạo sự phát triển bền vững cho đồng bào các dân tộc trong xã.

Biểu đồ dưới đây cho thấy mối quan hệ nhân quả dẫn đến đói nghèo tại ANgo:



+ Những giải pháp khắc phục tình trạng đói nghèo

Từ những khó khăn, thuận lợi, tình trạng đói nghèo nêu trên, Đảng, Chính quyền và nhân dân ANgo đã kiến nghị với Nhà nước các giải pháp có thể thực thi nhằm xoá đói giảm nghèo kinh niên hiện nay, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của xã trong tương lai.

1. Đối với một xã có nguồn sống chính hiện nay bằng ruộng nước thì vấn đề thủy lợi được coi là cấp bách để cung cấp đủ nước tưới cho số diện tích ruộng đã có (50 ha). Muốn vậy cần xây dựng mới các đập ngăn nước loại nhỏ cùng với việc tu sửa, nâng cấp hệ thống kênh mương và đập cũ. Đây là công việc đòi hỏi nguồn vốn khá lớn nên cần có sự trợ giúp của Chính quyền từ huyện, tỉnh đến Trung ương trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nhà nước bỏ vốn, dân góp công và một phần tài chính.

2. Tuyên truyền, giới thiệu, tập huấn và đào tạo kỹ thuật trồng trọt mới (cách làm ruộng nước) cho người dân trong xã, đặc biệt là lớp trẻ. Muốn vậy, phải luôn luôn quan tâm vấn đề giáo dục, coi giáo dục là chìa khoá để mở ra cánh cửa cho việc tiếp thu và áp dụng kỹ thuật mới.

3. Hướng dẫn cách làm vườn hàng hoá cho từng hộ gia đình (vườn cây công nghiệp: quế, cây ăn quả...) để làm tăng thu nhập, nâng cao đời sống.

4. Triển khai giao đất, giao rừng đến từng hộ để chủ động sản xuất và kinh doanh.

5. Mở rộng khai hoang diện tích hoang hoá ở những nơi bằng phẳng (đâm) để trồng màu và trồng lúa nước.

6. Phát triển chăn nuôi lợn, gà, cá cùng với việc duy trì đàn bò và trâu hiện có để phục vụ cho trồng trọt.

7. Giải pháp cuối cùng cũng chính là vấn đề cốt tử có tính then chốt để xoá đói giảm nghèo, phát triển dân trí, nâng cao đời sống, bảo vệ môi trường sinh thái là phải xúc tiến mạnh mẽ, đồng bộ chương trình kế hoạch hoá gia đình tới tận các hộ, các cá nhân trong cộng đồng, đặc biệt là đối tượng các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ. Vừa phải tuyên truyền giáo dục vừa phải áp dụng các biện pháp hành chính nghiêm khắc để vấn đề kế hoạch hoá gia đình trở thành quốc sách đối với mọi người dân trong xã. Chỉ khi đã giải quyết được vấn đề cốt lõi là giảm tỷ lệ sinh, phấn đấu mỗi gia đình ở độ tuổi sinh đẻ chỉ nên có 2-3 con thì những giải pháp trên mới có thể phát huy tác dụng, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong tương lai của xã cũng như toàn vùng miền núi Thừa Thiên- Huế./.

CHÚ THÍCH

- (¹). Số liệu báo cáo của UBND xã ANgo do ông Đoàn Minh Liệt, Phó chủ tịch xã ANgo trình bày
 (²). Số liệu thống kê do Ban DS-KHHGD huyện ALuới cung cấp
 (³). UNDP Highland people's Programme- Field report and the recommendation to the pilot participatory Development project in ANgo Commune: (From 25/1/96 to 1/2/96) page.24.
 (⁴). UNDP... page.25.

MỘT SỐ SUY NGHĨ..... (xem tiếp trang 53)

3. Nhóm Thái Man Thanh, Hàng Tổng và các nhóm tương tự mà lâu nay được ghép vào nhóm Thái Trắng thực ra là nhóm Thái cổ, không thuộc vào các nhóm Thái trên. Qua tìm hiểu, nghiên cứu ở thực địa, chúng tôi đi đến nhận xét rằng, các nhóm này gần gũi với nhóm Mường (Mol) đặc biệt là mặt văn hoá. Sau này, các nhóm này có tiếp thu thêm một số yếu tố văn hoá Lào và Kinh (cận hiện đại).

Như vậy, người Hàng Tổng và người Man Thanh ở đây đã cùng với các cư dân Tiên Việt - Mường, cụ thể là nhóm Mol mà này gọi là "Mường", tạo dựng ngay từ buổi đầu dựng nước và cùng nhau bảo lưu, phát triển nên tảng ban đầu đó để có được một nền văn minh sông Hồng rực rỡ.

Trên đây mới chỉ là những nhận xét của một cuộc điền dã dân tộc học, lấy tư liệu thực địa làm nguồn tài liệu chính nên có thể chỉ là một dự cảm về vấn đề chứ chưa phải là một bài nghiên cứu sâu sắc.

CHÚ THÍCH

- (¹). Để có thêm tư liệu điền dã, tháng 7 vừa qua tôi đã đi thực địa tại huyện Con Cuông, trước đó tháng 4 đi đến các huyện Tương Dương, Kỳ Sơn và Quý Châu (Nghệ An), Lang Chánh (Thanh Hoá). Từ nguồn tư liệu này, chúng tôi mở rộng thêm những suy nghĩ về quá trình tộc người của nhóm Thái ở Việt Nam.
 (²). Hoàng Lương, *Một số cứ liệu về quan hệ giữa người Tày Thái cổ với cư dân Phùng Nguyên - Đông Sơn*. Tạp chí DTH, số 4, 1985 tr. 23 - 29
 (³). Chiếc áo cón "sưa cón (áo ngắn) ở Tây Bắc là kết quả của sự tiếp biến văn hoá giữa người Môn Kơ-me và Thái. Trong chiếc áo đó yếu tố Môn Kơ-me: ngắn ngang bụng và bó sát thân thể, rất có thể cả hàng cúc bướm cũng là biến thể hàng cúc bạc của phụ nữ Kơ-mú. (Nhiều người cho rằng, chiếc khăn Piêu thêu sắc sỡ của họ cũng bắt nguồn từ chiếc khăn cổ của người Kơ-mú).